

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2508** /UBND-NNTN

Quảng Ngãi, ngày **9** tháng 5 năm 2018

V/v kết quả thực hiện
Nghị định số 35/2015/NĐ-CP
ngày 13/4/2015 của
Chính phủ về quản lý,
sử dụng đất trồng lúa trên
địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

TT CÔNG BÁO & TÍN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 3798
	Ngày: 09.15.18
	Chuyển:

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1912/BNN-TT ngày 08/3/2018 về việc thực hiện Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo số 1246/BC-SNNPTNT ngày 27/4/2018, UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo một số nội dung như sau:

1. Về chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa

Tổng diện tích chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây hằng năm giai đoạn 2015-2018 là 5.896,92 ha; trong đó:

- Năm 2015: 795,55 ha;
- Năm 2016: 1.417,86 ha;
- Năm 2017: 1.687,70 ha;
- Năm 2018: 1.995,81 ha.

Tổng diện tích chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2015-2018: Không có.

2. Về chuyển đổi đất trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp

Tổng diện tích chuyển đổi là 582,49 ha (trong đó: năm 2015: 138,88ha; năm 2016: 285,27ha; năm 2017: 141,19ha; năm 2018: 17,15ha). Bao gồm:

- Thủ tướng Chính phủ chấp thuận (đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10ha đất trồng lúa trở lên): 195,95ha (trong đó: năm 2015: 41,2ha; năm 2016: 145,45ha; năm 2017: 9,3ha).

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận (đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10ha đất trồng lúa): 386,54ha (trong đó: năm 2015: 97,68ha; năm 2016: 139,82ha; năm 2017: 131,89ha; năm 2018: 17,15ha).

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh316).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tăng Bính

Nguyễn Tăng Bính

Phụ lục:
KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN
ĐẤT TRỒNG LÚA VÀ CHUYỂN ĐẤT TRỒNG LÚA SANG
MỤC ĐÍCH PHI NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2015-2018



(Theo Công văn số 2508/UBND-NNTN ngày 08/5/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

	Hạng mục	Tổng số	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
I	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	5.896,92	795,55	1.417,86	1.687,70	1.995,81
1	Chuyển đổi từ lúa sang trồng cây hàng năm	5.896,92	795,55	1.417,86	1.687,70	1.995,81
1.1	Tây Trà	8,56	0	0	3,86	4,70
1.2	Ba Tơ	373,08	38,00	96,06	77,78	161,24
1.3	Minh Long	14,80	0	4,60	10,20	0
1.4	Sơn Hà	197,84	51,25	48,95	36,38	61,26
1.5	Đức Phổ	453,41	0	50,16	103,55	299,7
1.6	Mộ Đức	1.134,50	213,0	321,5	300,0	300,0
1.7	Tư Nghĩa	479,79	10,0	131,2	102,83	235,76
1.8	Nghĩa Hành	115,4	0	31,8	25,1	58,5
1.9	Sơn Tịnh	115,40	0	1,2	44,8	69,4
1.10	Thành phố Quảng Ngãi	75	30	21,5	23,5	0
1.11	Bình Sơn	2.909,7	453,3	699,86	958,2	798,32
1.12	Trà Bồng	12,53	0	11,03	1,5	0
1.13	Sơn Tây	6,93	0	0	0	6,93
2	Chuyển đổi từ lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	0	0	0	0	0
II	Chuyển đổi đất lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp	582,49	138,88	285,27	141,19	17,15
1	Thủ tướng Chính phủ chấp thuận (trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10 ha đất trồng lúa trở lên)	195,95	41,2	145,45	9,3	0
1.1	Sơn Tịnh	146,4	41,2	95,9	9,3	0
1.2	Thành phố Quảng Ngãi	49,55	0	49,55	0	0

TT	Hạng mục	Tổng số	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
2	HĐND cấp tỉnh (trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa)	386,54	97,68	139,82	131,89	17,15
2.1	Đức Phổ	6,58	0	2,99	3,59	0
2.2	Sơn Hà	8,16	1,48	1,17	0,21	5,30
2.3	Mộ Đức	12,71	7,35	2,29	3,07	0
2.4	Tur Nghĩa	43,41	2,97	12,58	25,39	2,47
2.5	Sơn Tịnh	50,0	12,6	4,3	29,8	3,3
2.6	Nghĩa Hành	13,15	5,15	6,85	1,15	0
2.7	Thành phố Quảng Ngãi	73,66	9,17	24,99	39,5	0
2.8	Bình Sơn	175,04	57,28	84,18	28,74	4,84
2.9	Trà Bồng	3,83	1,68	0,47	0,44	1,24